

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 26- 7 - 2018
V/v tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tiết

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D (tên gọi khác: L), sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Kiều Thị S, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Vào ngày 30/11/2010, bà có tham gia một phần hui do bà Lê Thị L làm chủ hui, hui 2.000.000 đồng/tháng, hui có 21 hui viên, hui chết thì đóng 2.000.000

đồng/tháng, hội sống thì đóng 1.600.000 đồng/tháng. Ngày mãn hội là ngày 30/7/2012. Bà đã đóng hội sống được 16 kỳ hội với số tiền 25.600.000 đồng. Đến kỳ hội thứ 17 bà L tuyên bố vỡ hội vào ngày 30/4/2012 nên không đóng hội nữa. Vào ngày 18/02/2016 bà L có trả cho bà 2.000.000 đồng (bà S là người nhận tiền), còn lại 23.600.000 đồng bà đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả cho bà.

Việc chơi hội với bà L do mẹ bà tên Kiều Thị S trực tiếp chơi hội, mỗi tháng bà gửi tiền cho bà S đi đóng hội, bà không có giao dịch với bà L. Bà L có đưa cho bà danh sách các hội viên tham gia hội.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị L phải trả cho bà số tiền hội 23.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Thị L là bị đơn trình bày: Bà là chủ hội, bà thừa nhận bà D có tham gia một phần hội do bà làm chủ hội, hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 21 hội viên, hội chết thì đóng 2.000.000 đồng/tháng, hội sống thì đóng 1.600.000 đồng/tháng. Trong thời gian bà làm chủ hội, do các hội viên hốt hội không đóng lại tiền hội cho bà nên bà không có khả năng thanh toán tiền hội cho các hội viên còn lại, đến ngày 30/9/2011 bà vỡ hội. Tính từ ngày chơi hội đến vỡ hội, bà D đóng cho bà được 10 kỳ hội với số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bà không có trả cho bà D 2.000.000 đồng như bà D trình bày. Việc chơi hội không có lập sổ sách theo dõi, bà chỉ gửi cho các hội viên danh sách những người tham gia hội.

Nay bà D yêu cầu bà phải trả số tiền hội 23.600.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả lại cho bà D 16.000.000 đồng.

Bà Kiều Thị S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vào năm 2010, bà D (tên gọi khác là L, con ruột của bà) có đưa tiền cho bà nhờ bà chơi hội với bà L nên trong giấy hội bà L đưa cho bà ghi tên hội viên là L. Vào ngày 30/11/2010, bà có tham gia một phần hội do bà Lê Thị L làm chủ hội, hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 21 hội viên, hội chết thì đóng 2.000.000 đồng/tháng, hội sống thì đóng 1.600.000 đồng/tháng. Ngày mãn hội là ngày 30/7/2012. Bà đã đóng hội sống được 16 kỳ hội với số tiền 25.600.000 đồng, đến kỳ hội thứ 17 bà L tuyên bố vỡ hội vào ngày 30/4/2012 nên không đóng hội nữa. Khi chơi hội, bà L có đưa cho mỗi hội viên 01 bản photo danh sách hội viên, mỗi khi đóng hội thì không có ký nhận gì hết. Vào ngày 18/02/2016 bà L có trả cho bà D 2.000.000 đồng, bà là người nhận tiền, còn lại 23.600.000 đồng bà đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Bà xác định số tiền bà chơi hội là tiền của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà D yêu cầu bà L trả tiền hội 23.600.000 đồng, bà L đồng ý trả 16.000.000 đồng vì cho rằng bà D chỉ đóng 10 kỳ hội tới ngày bà vỡ hội là ngày 30/9/2011. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với lời khai của những người làm chứng cùng tham gia trong đây hội này, bà L cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc vỡ hội vào ngày 30/9/2011 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà L trả cho bà D số tiền hội là 23.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện tranh chấp hội đối với bà Lê Thị L. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào danh sách hội viên do bà Lê Thị L viết và sự thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 30/11/2010, bà Nguyễn Thị Kim D có tham gia một phần hội do bà Lê Thị L là chủ hội, hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 21 hội viên, hội chết đóng 2.000.000 đồng/tháng, hội sống đóng 1.600.000 đồng/tháng, ngày mãn hội là 30/7/2012. Tuy nhiên, giữa bà D và bà L không thống nhất được các kỳ hội bà D đã đóng, bà D cho rằng đã đóng hội sống được 16 kỳ với số tiền 25.600.000 đồng, đến kỳ hội thứ 17 bà L tuyên bố vỡ hội vào ngày 30/4/2012 nên không đóng hội nữa, vào ngày 18/02/2016 bà L có trả cho bà 2.000.000 đồng, còn nợ lại 23.600.000 đồng. Còn bà L cho rằng bà D chỉ đóng được 10 kỳ hội với số tiền 16.000.000 đồng, sau khi vỡ hội bà không có trả cho bà D 2.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả lại cho bà D 16.000.000 đồng.

Xét thấy, bà D không cung cấp được giấy nhận nợ hội của bà L nhưng lời trình bày của bà D phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Mộng L, Nguyễn Thị L, là các hội viên cùng tham gia trong đây hội này, tại phiên tòa bà L, bà L xác định các hội viên đóng được 16 kỳ hội thì bà L vỡ hội, mỗi tháng đóng hội đều có sổ sách tự theo dõi, ông Nguyễn Văn M là người tham gia đây hội khác, ông cũng xác định bà L vỡ hội vào ngày 30/4/2012. Bà L cho rằng vỡ hội vào ngày 30/9/2011 nhưng bà L cũng không có chứng cứ gì chứng minh, bà thừa nhận khi bà vỡ hội thì sau đó bà bỏ đi nơi khác nên không có căn cứ xác định ngày bà L vỡ hội là ngày 30/9/2011.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bà D cho rằng bà L có trả cho bà nhưng bà L xác định không có trả cho bà D số tiền này, nhưng xét thấy việc bà D trừ số tiền 2.000.000 đồng vào số tiền hội bà D đã đóng là có lợi cho bà L nên chấp nhận trừ vào số tiền hội bà D đã đóng cho bà L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên buộc bà L phải trả cho bà D số tiền hội là 23.600.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: 23.600.000 đồng x 5% = 1.180.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 471, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D đối với bà Lê Thị L về tranh chấp hui.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị KIm D số tiền 23.600.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- ## 2. Về án phí:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.180.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị KIM D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị KIM D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 590.000 đồng theo biên lai thu số 0002022 ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh